TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2025
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam** – Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện C, tỉnh K.

Nơi cư trú: ấp An Bình, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Bà Liên có mặt tại phiên toà)

- Bị đơn: Ông **Lý Trường An**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp G, xã B, huyện C, tỉnh K.

(Ông An đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2024 bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và ông Lý T A tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh K ngày 29/12/2006.

Về con chung: có 01 người con chung là cháu Lý Phụng Y, sinh ngày 24/3/2008; về tài sản chung: không có; về nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu vợ chồng ông bà sống với nhau rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2010 ông A bỏ đi theo người phụ nữ khác, đến năm 2013 ông A trở về, trong thời gian ông A đi thì Bà L trực tiếp nuôii con. Vào năm 2013 khi ông Atrở về thì có tới lui thăm con nhưng được vài lần thì ông A dẫn bé Y bỏ đi nhưng bà L không biết ông A đi đâu. Do đó ông bà đã ly thân từ năm 2013 đến nay, còn cháu Lý Phụng Y thì do ông A nuôi dưỡng từ năm 2013 cho đến nay. Bà có nghe bà con của ông A nói lâu lâu cũng thấy ông A dẫn con về quê nhưng khi Bà đến thăm thì không gặp được.

Nay bà L yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lý T A;

- Về con chung: Đồng ý giao 01 con chung là cháu Lý Phụng Y, sinh ngày 24/3/2008 cho ông Lý T A chăm sóc, nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn ông Lý T A:* Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa ông A vắng mặt.

** Biên bản xác minh Phó Ban lãnh đạo ấp G, xã B, huyện C, tỉnh K ngày 29/11/2024:*

Ông Lý T A, sinh năm 1983 là con của bà Lý Thiên K có đăng ký hộ khẩu *thường trú tại tổ 7, ấp G, xã B, huyện C, tỉnh K nhưng hiện nay ông An vắng mặt* tại địa phương, lâu lâu có về thăm nhà cũ tại tổ 7, ấp G, xã B, huyện C, tỉnh K. Ông Lý T A có vợ là Nguyễn Thị L và có 01 người con chung là cháu Lý Phụng Y sinh ngày 24/3/2008, hiện nay cháu Y sinh sống với ông Lý T A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành-tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn

bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L, cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Lý T A theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: Giao con chung là cháu Lý Phụng Y, sinh ngày 24/3/2008 cho ông A chăm sóc, nuôi dưỡng, không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng ông bà không có không có tài sản chung và cam kết là không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý T A, đây là quan hệ *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Lý T A có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã B, huyện C, tỉnh K nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Ông Lý T A chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L, Toà án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông A vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lý T A chung sống với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/12/2006 nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị L và ông Lý T A là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn với ông Lý T A, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định rằng: bà và ông A sống với nhau từ năm 2006, đến năm 2010 ông A bỏ đi theo người phụ nữ khác, năm 2013 ông A trở về, trong thời gian ông A đi thì bà L trực tiếp nuôi con. Vào năm 2013 khi ông A trở về thì có tới lui thăm con nhưng được vài lần thì ông A dẫn bé Yến

bỏ đi nhưng bà L không biết đi đâu. Do đó ông bà đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Toà án án đã mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên bà L và ông A hàn gắn đoàn tụ nhưng hòa giải không thành do ông A vắng mặt tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay ông A vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa, bà Liên xác nhận không còn tình cảm với ông A nữa và bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông A. Hội đồng xét xử thấy rằng xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông A đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông A là có căn cứ để chấp nhận và hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L xác nhận trong thời gian chung sống ông bà có 01 người con chung là cháu Lý Phụng Y, sinh ngày 24/3/2008 và hiện nay do ông A chăm sóc nuôi dưỡng cháu Y nên bà L đồng ý giao cháu Y cho ông A nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà L và ông A ly thân đến nay thì ông A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Y; do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung là cháu Y cho ông A chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Liên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không tiến hành hòa giải việc cấp dưỡng nuôi con giữa bà L và ông A. Vì vậy, về phần cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này ông An có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông A đúng theo quy định pháp luật nhưng ông A vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa bà L và ông A được. Mặt khác, tại Toà án cũng như tại phiên toà bà L xác nhận trong thời gian chung sống cùng ông A thì ông bà không tạo lập được tài sản gì và cũng không có nợ ai. Do đó, về tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với ông Lý T A.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản

4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" với ông Lý T A, cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lý T A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Lý Phụng Y, sinh ngày 24/3/2008 cho ông Lý T A trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà L được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010348 ngày 26/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà L không phải nộp thêm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lý T A vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã B, huyện B, tỉnh K
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Phạm Ngọc Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Hợp **Trần Minh Nhựt** **Danh Phạm Ngọc Khánh**